

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày

tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền đại phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La v/v phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 416/TT-SXD ngày 11/11/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch**

#### **1.1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch**

Thuộc địa giới hành chính các huyện Sốp Cộp, Sông Mã và các xã (Phiêng Pằn) huyện Mai Sơn; (Chiềng On, Phiêng Khoài, Lóng Phiêng, Chiềng Tương) huyện Yên Châu; (Chiềng Khừa, Lóng Sập, Chiềng Sơn) huyện Mộc Châu, (Tân Xuân) huyện Vân Hồ; có tổng diện tích tự nhiên khoảng 399.031 ha.

## **1.2. Ranh giới quy hoạch**

- Phía Bắc giáp các huyện dọc quốc lộ 6 (*Thuận Châu, Mai Sơn, Yên Châu, Mộc Châu, Vân Hồ*);

- Phía Nam (*khoảng 274,065 km*) giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tỉnh Thanh Hóa;

- Phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Điện Biên.

## **2. Vai trò và vị thế của vùng**

- Là cửa ngõ (*cửa khẩu*) giao lưu mở rộng mối quan hệ, hợp tác quốc tế phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, an ninh, quốc phòng...vv.

- Là vùng cần tiếp tục quan tâm đầu tư củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, vùng cao, biên giới; do vậy, cần được quan tâm sắp xếp, ổn định các điểm dân cư; xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình thiết yếu đảm bảo quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc biên giới, kết hợp với xây dựng đô thị, phát triển kinh tế xã hội vùng cao, biên giới trên địa bàn tỉnh.

- Là vùng bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ rừng, trồng rừng và phát triển rừng, khai thác nguồn lợi từ rừng; khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng; phát triển sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của vùng, của tỉnh.

## **3. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển**

### **3.1. Dự báo quy mô dân số**

- Đến năm 2030, toàn vùng có dân số khoảng 335.800 người (*tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021 - 2030 là khoảng 1,35%*), trong đó:

+ Dân số khu vực đô thị: khoảng 68.100 người.

+ Dân số khu vực nông thôn: khoảng 267.700 người.

- Đến năm 2050 dân số toàn vùng khoảng 416.700 người với tốc độ tăng dân số trung bình là khoảng 1,45%.

+ Dân số khu vực đô thị: khoảng 152.500 người.

+ Dân số khu vực nông thôn: khoảng 264.200 người.

### **3.2. Dự báo quy mô đất đai**

- Dự báo diện tích đất xây dựng đô thị:

+ Giai đoạn 2021 – 2030: khoảng 2.206 ha.

+ Giai đoạn 2031 – 2050: khoảng 3.560 ha.

- Dự báo diện tích đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

+ Giai đoạn 2021 – 2030: Khoảng 6.450 ha.

+ Giai đoạn 2031 – 2050: Khoảng 6.365 ha.

- Dự báo quy mô đất xây dựng cụm công nghiệp đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050: khoảng 140,0 ha.

#### **4. Định hướng phát triển không gian vùng**

##### **4.1. Định hướng phát triển trục không gian kết nối vùng**

Gồm 04 trục dọc theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, 02 trục ngang theo hướng Đông Nam – Tây Bắc và 01 đường vành đai biên giới liên kết các xã có đường biên trong hành lang biên giới, cụ thể:

- 04 trục dọc theo hướng Đông Bắc – Tây Nam: Gồm trục 1: Quốc lộ 43 đi cửa khẩu Lóng Sập; trục 2: Quốc lộ 4G đoạn qua Mai Sơn đi cửa khẩu Chiềng Khương; trục 3: Quốc lộ 4G đoạn từ thị trấn Sông Mã qua đô thị Sốp Cộp hướng đi cửa khẩu phụ Nậm Lạnh; trục 4: Đoạn từ ĐT105 từ xã Mường Lèo đi ĐT117.

- 02 trục ngang theo hướng Đông Nam – Tây Bắc: Gồm trục ngang 1: từ trạm tiêu ngạch Nà Khi theo TL 105 theo hướng đi qua đô thị Sốp Cộp đi về Điện Biên; Trục ngang 2: Từ đô thị Chiềng Khương theo QL 4G kết nối QL 12 đi tỉnh Điện Biên.

- 01 đường vành đai biên giới: Kết nối các xã có đường biên giới với nước CHDCND Lào. Hướng tuyến trên cơ sở tuyến ĐT 102 - QL 6C – QL37 – QL4G – ĐT 105 – đường mở mới (*xã Mường Và, xã Nậm Lạnh*) – cửa khẩu Nậm Lạnh – TT xã Mường Lèo – Điện Biên. Tuyến có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an ninh, quốc phòng, liên kết hỗ trợ phát triển kinh tế các xã vùng biên giới.

##### **4.2. Phân vùng phát triển kinh tế**

- Tiểu vùng I: Vùng kinh tế động lực – Phát triển nông lâm, công nghiệp, thương mại dịch vụ, gồm 15 xã, thị trấn: Huyện Sông Mã: Thị trấn Sông Mã, xã Nà Nghị, Bó Sinh, Pú Bấu, Chiềng Phung, Chiềng En, Mường Lằm, Nậm Ty, Đứa Mòn, Yên Hưng, Chiềng Sơ, Nậm Mẩn, Huổi Một; Huyện Sốp Cộp: Các xã Sam Kha, Púng Bính.

- Tiểu vùng II: Hành lang biên giới - Vùng phát triển kinh tế rừng (*rừng sản xuất, phòng hộ và đặc dụng*), trồng cây ăn quả có múi, chăn nuôi đại gia súc lấy thịt, du lịch khám phá trải nghiệm tự nhiên, du lịch thiện nguyện, kinh tế cửa khẩu phụ Nậm Lạnh, Huổi Lạ (*mở mới*), gồm 6 xã, huyện Sốp Cộp là xã Sốp Cộp, Dồm Cang, Nậm Lạnh, Mường Lèo, Mường Và, Mường Lạn.

- Tiểu vùng III: Hành lang biên giới - Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp (*nuôi đại gia súc lấy thịt, trồng cây ăn quả nhãn, xoài ứng dụng công nghệ cao*), kinh tế cửa khẩu Chiềng Khương, gồm 8 xã thuộc 3 huyện: Huyện Sông Mã: xã Chiềng Khoang, Chiềng Cang, Chiềng Khương, Mường Sai, Mường Cai, Mường Hưng; Huyện Mai Sơn: xã Phiêng Păn và Huyện Yên Châu: xã Chiềng On.

- Tiểu vùng IV: Hành lang biên giới - Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp gắn

với chế biến (*cây công nghiệp chè, cây ăn quả mận, nhãn, xoài ứng dụng công nghệ cao*), phát triển kinh tế rừng (*rừng sản xuất, phòng hộ và đặc dụng*), du lịch sinh thái, kinh tế cửa khẩu Lóng Sập, gồm 07 xã thuộc 03 huyện: Huyện Yên Châu: Phiêng Khoài, Lóng Phiêng, Chiềng Tương; Huyện Mộc Châu: Chiềng Khừa, Lóng Sập, Chiềng Sơn và Huyện Vân Hồ: Tân Xuân.

### **4.3. Định hướng phát triển không gian đô thị**

- Hệ thống đô thị trung tâm, khu kinh tế cửa khẩu đóng vai trò trung tâm động lực - cực phát triển cho từng khu vực gồm:

+ Thị trấn Sông Mã: Đô thị loại IV, trung tâm tiểu vùng I, là trung tâm về hành chính, chính trị, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ, du lịch, công nghiệp của huyện Sông Mã.

+ Trung tâm hành chính Sốp Cộp: Đô thị loại V, là trung tâm về hành chính, chính trị, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ, du lịch, công nghiệp của huyện Sốp Cộp. Trung tâm tiểu vùng II.

- Hệ thống đô thị cấp tiểu vùng huyện, đóng vai trò cực hỗ trợ phát triển, gồm:

+ Đô thị Chiềng Khương (*Sông Mã*): Thuộc phạm vi xã Chiềng Khương là đô thị chuyên ngành thuộc Trung tâm tiểu vùng III, đô thị loại V.

+ Đô thị Mường Lầm (*huyện sông Mã*): Đô thị chuyên ngành của huyện Sông Mã.

+ Khu vực phát triển đô thị Lóng Sập, Chiềng Sơn (*dự kiến thành phường thuộc thị xã Mộc Châu*) và đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu.

- Định hướng phát triển đô thị trong thời kỳ quy hoạch:

+ Đến 2030: Toàn vùng có 04 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại IV (*thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã*); có 03 đô thị loại V (*thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp; Chiềng Khương, huyện Sông Mã; Phiêng Khoài, huyện Yên Châu*) và khu vực phát triển đô thị Lóng Sập, Chiềng Sơn (*thuộc thị xã Mộc Châu, đô thị loại III*).

+ Đến 2050: Toàn vùng có 05 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại III (*thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã*); có 01 đô thị loại IV (*thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp*); có 03 đô thị loại V (*Chiềng Khương, Mường Lầm, huyện Sông Mã; Phiêng Khoài, huyện Yên Châu*) và khu vực phát triển đô thị Lóng Sập, Chiềng Sơn (*thuộc thị xã Mộc Châu, đô thị loại II*).

### **4.4. Phân vùng hệ thống điểm dân cư nông thôn**

- Định hướng xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 06/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

+ Đến 2030: 70% các xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 17 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới, 8 xã đạt chuẩn theo các tiêu chuẩn mới hoặc nông thôn mới nâng cao, ít nhất 5 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Đến 2050: 100% xã trên địa bàn vùng đảm bảo tiêu chuẩn về cơ sở vật

chất, hạ tầng xã hội, văn hóa theo các tiêu chuẩn nông thôn quốc gia, đảm bảo chất lượng đời sống cho nhân dân các vùng nông thôn.

- Quy hoạch sắp xếp lại các khu dân cư nông thôn để không ngừng nâng cao đời sống và các điều kiện sinh hoạt của nhân dân, phát triển thu hút dân cư đến các khu kinh tế cửa khẩu, cửa khẩu phụ, lối mở, trạm tiểu ngạch gắn với với an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu xây dựng các điểm định cư nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu. Di dời các khu dân cư ở vùng thiên tai, vùng khó khăn về khu quy hoạch mới. Huy động mọi nguồn lực của xã hội để thực hiện xây dựng các điểm dân cư nông thôn, các trung tâm xã theo quy hoạch được duyệt. Phát triển hình thái không gian dân cư nông thôn theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, duy trì văn hóa bản địa và nền kinh tế đặc trưng từng vùng.

- Phát triển các trung tâm xã, cụm xã trở thành các trung tâm dịch vụ, gắn với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu vực nông thôn, phù hợp với tập quán sinh hoạt và đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Cải tạo, xây dựng kiến trúc nhà ở và cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện sống của dân cư theo đặc trưng từng vùng, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

#### **4.5. Định hướng phát triển công nghiệp**

- Vùng hình thành phát triển mới 3 cụm công nghiệp, gồm: Cụm Công nghiệp Mường Và, huyện Sốp Cộp, quy mô khoảng 20,0 ha; Cụm Công nghiệp Xum Côn, bản Mé, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, quy mô 50,0 ha và Cụm Công nghiệp 6C Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, quy mô 70,0 ha.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến gắn với sản xuất nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp cơ khí, chế tạo. Phát triển bền vững các nhà máy thủy điện trong vùng, ... Khuyến khích các cơ sở đào tạo nghề để chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Công nghiệp năng lượng: Duy trì và phát triển công nghiệp điện năng (*thủy điện, điện gió, điện mặt trời*).

#### **4.6. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại, kinh tế cửa khẩu**

- Phát triển hạ tầng dịch vụ thương mại và du lịch phát triển đồng bộ, tạo chuỗi liên kết góp phần thu hút khách du lịch và là giải pháp xuất khẩu tại chỗ của thương mại.

- Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng logistics, có tính liên kết cao. Trong đó tập trung vào các dịch vụ logistics phục vụ: Tiêu thụ, xuất khẩu nông sản; thương mại biên giới (*đặc biệt tại các khu vực cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, Chiềng Khương*); thương mại điện tử; hỗ trợ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình hạ tầng thương mại văn minh, hiện

đại, tiện ích, thân thiện với môi trường phù hợp với xu thế phát triển thương mại trong nước và thế giới. Tại các trung tâm huyện phát triển các đô thị có mật độ hạ tầng thương mại tập trung cao, phát triển các trung tâm mua sắm, tuyến phố thương mại.

- Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ với các quy hoạch kinh tế xã hội: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch hạ tầng giao thông vận tải....

- Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích tại các khu vực phát triển đô thị, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập, Chiềng Khương.

- Phát triển hệ thống chợ, cửa hàng, đại lý tại các trung tâm xã, trung tâm cụm xã trên địa bàn vùng.

- Phát triển hạ tầng kinh tế cửa khẩu

- + Giai đoạn 2021-2030: Tỉnh Sơn La thống nhất với tỉnh Luông Pha Bang mở mới cặp cửa khẩu phụ Huổi Lạ (*huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La*) – Nong Nha (*huyện Phôn Thong, tỉnh Luông Pha Bang, CHDCND Lào*). Thực hiện Nghị quyết số 182/NQ-CP ngày 22/12/2020 của Chính phủ về nâng cấp cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế. Từng bước đầu tư xây dựng cơ bản các hạng mục công trình cửa khẩu phụ lối mở nhằm đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ kiểm soát xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu cũng như đảm bảo về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và đủ điều kiện quyết định công nhận cửa khẩu quốc tế Lóng Sập.

- + Giai đoạn đến năm 2050: Trao đổi thống nhất với tỉnh Hủa Phăn, Luông Pha Bang (CHDCND Lào) nâng cấp cửa khẩu chính Chiềng Khương, huyện Sông Mã thành cửa khẩu quốc tế, nâng cấp cửa khẩu phụ Huổi Lạ thành cửa khẩu chính. Từng bước đầu tư xây dựng cơ bản, đồng bộ, hiện đại, hoạt động trên nền tảng trang bị kỹ thuật công nghệ cao, đảm bảo quản lý các hoạt động lưu thông biên giới thuận lợi về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; đủ điều kiện quyết định công nhận cửa khẩu quốc tế Chiềng Khương và cửa khẩu chính Huổi Lạ.

#### **4.7. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản**

- Phát triển nông lâm ngư nghiệp theo hướng hiệu quả, bao gồm nông nghiệp truyền thống - đặc sản tại các khu vực có địa hình phức tạp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng hàng hóa, gắn với chế biến tại các khu vực thuận lợi.

- Sử dụng hiệu quả các nhóm đất, lựa chọn cây trồng phù hợp. Tăng cường ứng dụng các công nghệ sản xuất nông nghiệp mới, đặc biệt là công nghệ về tưới tiêu để hạn chế các tiêu cực vào mùa khô, nguồn nước hạn chế. Tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng gia tăng phát triển các nông sản chủ lực, có giá trị kinh tế cao.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt tại 2 khu bảo tồn thiên

nhiên Sốp Cộp (*huyện Sốp Cộp, Sông Mã*) và Xuân Nha (*huyện Vân Hồ*).

- Các khu vực phát triển tập trung, ứng dụng công nghệ cao hướng tới sản xuất hàng hóa phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu:

+ Vùng xoài ứng dụng công nghệ cao phát triển tập trung tại các xã thuộc huyện Yên Châu và Mai Sơn (*VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự*).

+ Vùng nhãn ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Sông Mã (*xã Chiềng Khương, Chiềng Cang, Chiềng Khoong, Mường Hung, Nà Nghịu, Chiềng Sơ*); vùng nhãn Mai Sơn - Yên Châu (*huyện Yên Châu: Lóng Phiêng; Chiềng Tương, Chiềng On*), phát triển an toàn (*VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự*).

+ Vùng mận ứng dụng công nghệ cao tại các xã Chiềng Sơn, Phiêng Khoài, Lóng Phiêng và Chiềng On, phát triển an toàn (*VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự*).

+ Vùng cây ăn quả có múi ứng dụng công nghệ cao tại huyện Sốp Cộp (*Xã Mường Và, Nậm Lạnh và Dòm Cang, Mường Lạn*), phát triển an toàn (*VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự*).

+ Vùng chè ứng dụng công nghệ cao tại xã Chiềng Sơn, Phiêng Khoài, phát triển chè an toàn (*VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự*).

- Lâm nghiệp: Tập trung quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, làm giàu vốn rừng là biện pháp hàng đầu trong việc góp phần vào sự bảo vệ vững chắc cho các nhà máy thủy điện trên địa bàn vùng huyện, tỉnh Sơn La. Triển khai trồng rừng phòng hộ kết hợp với rừng sinh thái tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Bảo vệ diện tích rừng đặc dụng hiện có và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn với phương thức khoanh nuôi, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên là chính, đến năm 2030 có khoảng 127.633,4 ha rừng đặc dụng, phòng hộ các loại.

+ Phát triển rừng sản xuất, phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 116.873,26 ha rừng sản xuất (*trong đó thực hiện kế hoạch phát triển cây mắc ca trồng tập trung gắn với chế biến tại địa bàn huyện Sông Mã, Sốp Cộp theo Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh*).

+ Phấn đấu đưa diện tích rừng các loại lên khoảng 244.506,46 ha vào năm 2030, nâng tỷ lệ che phủ của rừng khoảng 44,0% vào năm 2021 lên khoảng 53,2% vào năm 2030. Định hướng đến năm 2050 đạt khoảng 60%.

- Vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung gắn công nghiệp chế biến và tiêu thụ, xuất khẩu trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế của vùng, ưu tiên tập trung tại các xã khu vực III và các bản đặc biệt khó khăn theo Kết luận số 703-KL/TU ngày 30/8/2022, gồm chăn nuôi gia súc, gia cầm, chăn nuôi khác... theo hướng thị trường và đa dạng hoá sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, theo hình thức trang trại, gia trại nông hộ trên địa bàn vùng liên huyện. Tận dụng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, diện tích hồ đập thủy điện, thủy lợi nhỏ

đưa vào khai thác nuôi trồng thủy sản.

#### **4.8. Phân bố vùng phát triển du lịch**

Định hướng phát triển không gian du lịch vùng bao gồm các điểm và tuyến du lịch kết nối với khu du lịch trọng điểm quốc gia Mộc Châu và du lịch của tỉnh Sơn La; khai thác triệt để các tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng, cụ thể:

- Tập trung xây dựng hạ tầng du lịch gắn kết du lịch vùng với du lịch toàn tỉnh, tạo đà cho kinh tế của địa phương phát triển đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa, giữ gìn bản sắc truyền thống. Phát triển các xã, bản theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển du lịch.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tuyên cấp treo khám phá du lịch danh thắng Đỉnh Pha Luông xã Chiềng Sơn (*huyện Mộc Châu*), xã Tân Xuân (*huyện Vân Hồ*), khai thác du lịch tại cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, cửa khẩu chính Chiềng Khương, cửa khẩu phụ Nà Cài, Nậm Lạnh, Di tích Lao Khô, Di tích Tháp Mường Và, Di tích Cây đa Mường Hung, Đền thờ Hai Bà Trưng, mỏ nước nóng bản Nuốt Còn, xã Chiềng Phung, hang động Nong Bó, bản Chiềng Vàng xã Chiềng Phung, thác Nà Sặng và khu Hang động bản Ten U xã Chiềng Sơ, thác Huổi Xà Lường thuộc suối Huổi Sút, xã Mường Sai, di tích khu ủy Mai – Thuận,...

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khám phá du lịch lịch sinh thái, trải nghiệm tại khu bảo tồn Xuân Nha, Sốp Cộp.

#### **4.9. Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội**

- Hệ thống giáo dục: Xây dựng mới THPT và PTDT Nội trú THCS-THPT huyện Sông Mã, nâng cấp các trường THPT và PTDT Nội trú THCS-THPT Sốp Cộp, Mường Lôm, Chiềng Khương, Phiêng Khoài và Chiềng Sơn. Mở lại và đề xuất quy hoạch 2 Trung tâm GDTX cấp huyện trong vùng (*huyện Sông Mã, Sốp Cộp*) phục vụ đào tạo dạy nghề cho lao động trong vùng.

- Hệ thống y tế: Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, Sốp Cộp. Xây dựng mới, nâng cấp các trạm y tế xã, thị trấn. Phấn đấu đến năm 2030 hệ thống bệnh viện đa khoa tuyến huyện đáp ứng năng lực 30,0 giường/vạn dân và 7,5 giường/vạn dân ở tuyến xã, thị trấn; đến năm 2050 hệ thống bệnh viện đa khoa tuyến huyện đáp ứng năng lực 40,0 giường/vạn dân và 10,0 giường/vạn dân ở tuyến xã, thị trấn, phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong vùng và sự phát triển trong tương lai. Tạo điều kiện cho dịch vụ y tế tư nhân phát triển.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao: Hoàn thiện sân vận động huyện Sông Mã, nâng cấp sân thể thao huyện Sốp Cộp, xây dựng mới sân thể thao tại các khu vực quy hoạch phát triển đô thị (*Chiềng Khương, Mường Lôm, Phiêng Khoài, Chiềng Sơn, Lóng Sập*). Nâng cấp mở rộng trung tâm văn hoá huyện Sông Mã. Xây dựng mới quảng trường huyện Sốp Cộp, Sông Mã. Phát triển bổ sung các thiết chế văn hóa thể thao cấp xã, thôn, bản tiêu khu còn thiếu.

#### **4.10. Phân bố định hướng phát triển an ninh, quốc phòng**



- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh, toàn diện. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Củng cố và phát triển có chiều sâu các mối quan hệ hợp tác đã được thiết lập, triển khai có hiệu quả các hoạt động hội nhập quốc tế, trong đó tiếp tục tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các tỉnh giáp biên của Lào. Nghiên cứu thiết lập quan hệ hợp tác với một số địa phương trong khu vực và thế giới, với các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế.

- Nâng cao chất lượng công tác đánh giá, dự báo tình hình; chủ động đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đấu tranh xóa bỏ triệt để tà đạo về “Vua Mông”, “Nhà nước Mông”, “Vương quốc Mông”. Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Chú trọng công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh mạng; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên có quan điểm sai trái, cơ hội chính trị, thoái hóa biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng... không để các thế lực thù địch và các đối tượng phản động tác động, chuyển hóa tư tưởng. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động của địch và các phần tử xấu lợi dụng không gian mạng để xâm hại an ninh quốc gia. Tiếp tục triển khai có hiệu quả phong trào "*toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*"; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, tập trung vào các tuyến, địa bàn và lĩnh vực trọng điểm, tội phạm trong thanh thiếu niên, trong lĩnh vực môi trường; phát hiện, giải quyết kịp thời các nhóm hoạt động phức tạp về an ninh trật tự, kiên quyết không để hình thành tội phạm có tổ chức; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án phức vụ yêu cầu chính trị của địa phương.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đầu tư xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dọc biên giới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tuần tra, phòng thủ và bảo vệ biên giới.

- Tập trung nguồn lực đầu tư cho quốc phòng an ninh, tiếp tục thực hiện quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ,... Xây dựng vùng thành khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc. Tiếp tục sắp xếp, ổn định dân cư ở khu vực biên giới; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền và lực lượng vũ trang các tỉnh của Lào có chung đường biên giới để bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới.

## **5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **5.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng**

#### *a) Cao độ xây dựng*

- Các đô thị: Đô thị Sốp Cộp >700m; Sông Mã >223,5m; Chiềng Khương >280m, Mường Lầm >360m, Phiêng Khoài >940m. Chiềng Sơn >700m, Lóng

Sập >850m.

- Khu vực nông thôn: Chọn giải pháp san lấp cục bộ cân bằng đào đắp tại chỗ, đối với khu vực có độ dốc  $i < 10\%$ . Đối với các khu vực có độ dốc  $i > 10-30\%$  thì nên san nền dặt cấp trừ các công trình đặc thù cân mặt bằng lớn. Hạn chế tới mức tối đa việc đào đắp các sườn núi, sườn đồi và san lấp khu vực ven các trục tiêu thoát nước chính.

#### *b) Thoát nước mưa*

- Định hướng thoát nước mưa của vùng chia thành 02 lưu vực chính là lưu vực Sông Mã (*các suối Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Ty, Nậm Lệ và Suối Quanh*) và lưu vực Sông Đà (*suối Nậm Pàn, Suối Sập*).

- Vùng nông thôn: Áp dụng hệ thống thoát nước hoạt động theo chế độ tự chảy trên cơ sở của độ dốc nền tự nhiên, giai đoạn đầu sử dụng hệ thống cống chung cho nước thải sinh hoạt, giai đoạn sau tùy theo tính chất và sự phát triển có thể tách riêng hoặc vẫn sử dụng chung.

- Vùng đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và nửa riêng.

## **5.2. Giao thông**

### *a) Đường bộ*

- Đường cao tốc: Đường cao tốc Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La: Tuyến đường có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Sơn La cũng như các tỉnh miền núi phía Bắc. Tuyến nằm ngoài phạm vi lập quy hoạch, nhưng có tác động lớn đến phát triển khu vực.

- Quốc lộ 43: Chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 20,2 km; Tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, ngày 1/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Giai đoạn 2021-2030: Tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, III, đoạn đi qua đô thị tuân theo quy hoạch đường đô thị, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Tầm nhìn 2050: tập trung đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-III, 2-4 làn xe.

- Quốc lộ 6C: Chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 41,6km. Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, đoạn đi qua đô thị tuân theo quy hoạch đường đô thị, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV hoàn chỉnh, 02 làn xe.

- Quốc lộ 37: Chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 20,4 km, trong đó có 11,1 km chuyển từ đường tỉnh ĐT.113 thành QL37 (*đoạn thị trấn Sông Mã đi Nà Ót, huyện Mai Sơn*). Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, III. Tầm nhìn 2050: Nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-III, 2-4 làn xe.

- Quốc lộ 4G: Chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 111,6 km. Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối

thiếu cấp IV-III, đoạn đi qua đô thị tuân theo quy hoạch đường đô thị, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-III, 2-4 làn xe. Trong đó chuyên khoảng 31 km (thị trấn Sốp Cộp đến cửa khẩu Lạnh Bánh) đường ĐT.105A lên đường QL4G.

- Quốc lộ QL.12: Chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 50,3 km. Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối thiểu cấp IVmn, đoạn đi qua đô thị tuân theo quy hoạch đường đô thị, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-III hoàn chỉnh, 2-4 làn xe.

- Quốc lộ QL.16: Nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.102 thành QL.16 (đoạn qua xã Chiềng Sơn, Mộc Châu và xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ), chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 15,6 km. Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, đoạn đi qua đô thị tuân theo quy hoạch đường đô thị, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, 02 làn xe.

- Quốc lộ 279C: Nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.105 thành QL.279C (đoạn qua xã Sốp Cộp đi Mường Lèo, huyện Sốp Cộp), chiều dài chạy qua địa bàn vùng là 64,0 km. Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo toàn tuyến theo tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-III. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-III, 2-4 làn xe.

- Đường tỉnh: Định hướng phát triển hệ thống đường tỉnh trên địa bàn vùng liên huyện gồm 10 tuyến: ĐT.101 (Tân Xuân - QL6 - Vân Hồ - Quang Minh); ĐT.102 (Mường Sang - Chiềng Khừa - Chiềng Tường - Lóng Phiêng); ĐT.103 (Chiềng Sàng - Yên Sơn - Nà Cài); ĐT.103B (Phiêng Khoài - Chiềng Khoi - Thị trấn Yên Châu); ĐT.105 (Sốp Cộp - Mường Và - Mường Lan - Mộc D1); ĐT.105B (Chiềng Khoong - Mường Cai - Mường Và - Nậm Lạnh - Mường Lèo); ĐT.108B (Co Mạ - Bó Sinh); ĐT.113 (Sông Mã - Co Mạ); ĐT.115 (Huổi Một - Mường Hung - Chiềng Khương) và ĐT.117C (Nậm Lầu - Nậm Ty) với tổng chiều dài khoảng 252,1 km. Giai đoạn 2021-2030: Tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp Vmn hoàn chỉnh, các đoạn qua trung tâm xã, thị trấn được mở rộng theo quy hoạch xây dựng được duyệt. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn bộ các tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IIImn, 02 làn xe.

- Đường huyện: Định hướng phát triển hệ thống giao thông đường huyện trên địa bàn vùng liên huyện, vùng cao biên giới tỉnh Sơn La đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 gồm 28 tuyến đường huyện, tổng chiều dài các tuyến 558,3 km. Giai đoạn 2021-2030: tập trung đầu tư nâng cấp, xây dựng duy trì toàn tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp V. Tầm nhìn 2050, tập trung đầu tư nâng cấp toàn bộ các tuyến lên đường đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, 02 làn xe.

- Đường đô thị: Tuân thủ theo quy hoạch chung các đô thị được phê duyệt.

- Đường tuần tra biên giới: Thực hiện theo đề án riêng của Bộ Quốc phòng trình Chính phủ phê duyệt.

b) *Bến xe khách*: Hoàn thiện đầu tư xây dựng 15 bến xe trong vùng có tổng diện tích khoảng 34.200m<sup>2</sup>, cấp hạng bến xe loại VI, V, IV và III.

c) *Bến khách ngang sông*: Do sông Mã chảy qua địa bàn tỉnh Sơn La là đoạn thượng nguồn của sông, với địa hình khó khăn, dòng chảy hẹp, nhiều thác ghềnh không thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy, vì vậy từng bước xây dựng, cải tạo kiên cố hoá một số bến khách ngang sông phục vụ dân sinh, kinh tế xã hội nằm tại các vị trí có lưu lượng qua sông lớn, các trung tâm xã, cụm dân cư dọc sông. Dự kiến toàn vùng có 07 bến khách ngang sông.

### 5.3. Cấp nước

- Nguồn cấp nước trên địa bàn theo phương án phi tập trung, sử dụng nguồn hỗn hợp, gồm: nước mặt, nước máy, nước ngầm,...

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 khoảng 42.477 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó: Cấp nước đô thị khoảng 13.485 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp nước nông thôn khoảng 28.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp nước cụm công nghiệp khoảng 792 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Định hướng đến năm 2050 tổng nhu cầu sử dụng nước toàn vùng khoảng 84.925 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Vùng đô thị: Quy hoạch mới và nâng công suất các trạm cấp nước. Nâng cấp cải tạo, thay thế những đoạn ống nước không đảm bảo lưu lượng cấp nước.

- Vùng nông thôn: Xây dựng mới hệ thống trạm bơm tăng áp, trạm cấp nước cục bộ, mạng lưới đường ống cấp nước đảm bảo phục vụ nhân dân trong vùng. Các hệ thống cấp nước liên bản, nước giếng đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho nông thôn.

- Vùng cụm công nghiệp: Xây dựng hệ thống cấp nước cục bộ (*nguồn nước mặt, nước ngầm*) và bơm tăng áp, bể chứa nước đảm bảo khả năng cung cấp nước cho cụm công nghiệp.

- Số lượng trạm cấp nước toàn vùng: Nâng cấp, cải tạo 4 trạm cấp nước và quy hoạch mới 4 trạm cấp nước.

### 5.4. Cấp điện

- Nhu cầu sử dụng điện: Tổng công suất yêu cầu trong toàn vùng đến năm 2030 khoảng 60,0 MVA. Định hướng đến năm 2050 tổng nhu cầu sử dụng điện toàn vùng khoảng 170MVA.

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho vùng liên huyện, vùng cao biên giới tỉnh Sơn La được lấy từ lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110kV về các trạm 110kV/35/22kV.

- Nâng cấp và xây dựng mới các trạm 110kV, cụ thể như sau:

+ Trạm 110kV Sông Mã: Dự kiến đến năm 2030 nâng công suất trạm 110kV Sông Mã lên (2x40MVA), tầm nhìn đến năm 2050 định hướng quy hoạch bổ sung thêm 01 TBA 110kV 2x25MVA tại khu vực xã Chiềng Khoong, công suất 2x25MVA-110/35/22kV đấu nối transit lên đường dây 110kV Tà Cọ - Mường Hung cấp điện cho các phụ tải huyện Sông Mã và huyện Sốp Cộp.

+ Trạm 110kV Mai Sơn: Dự kiến nâng công suất trạm 110kV Mai Sơn lên thành (3x40MVA), duy trì cấp điện cho các phụ tải huyện Mai Sơn.

+ Trạm 110kV Mộc Châu với công suất (2x25MVA), duy trì cấp điện cho các phụ tải huyện Yên Châu, Mộc Châu.

+ Xây dựng mới trạm 110kV Mộc Châu 2, quy mô (2x40)MVA-110/35/22kV tại Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, đầu nối lên đường dây Yên Châu - Vân Hồ, cấp điện cho vùng, khu công nghiệp và phát triển du lịch.

+ Xây dựng mới trạm 110kV Vân Hồ công suất (2x25MVA), cấp điện cho phụ tải huyện Vân Hồ.

- Cải tạo và xây mới hệ thống đường dây 220kV, 110kV đảm bảo truyền tải điện năng, kết nối với các nhà máy thủy điện và hệ thống trạm biến áp nâng cấp, xây mới.

### **5.5. Thông tin liên lạc**

- Bưu chính: Mục tiêu chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, đảm bảo dòng chảy vật chất bên cạnh dòng chảy dữ liệu. Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng Mã địa chỉ gắn với Bản đồ số (*Vpostcode*). Chú trọng việc thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích.

- Viễn thông: Mục tiêu chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu. Phổ cập điện thoại thông minh đặc biệt tới các vùng công ích. Thúc đẩy triển khai mạng thông tin di động 5G. Xử lý triệt để rác viễn thông. Ngầm hóa mạng ngoại vi, hệ thống cáp viễn thông khu vực thị trấn, khu vực phát triển đô thị, các CCN, khu kinh tế cửa khẩu. Quy hoạch các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ. Quy hoạch xây dựng, lắp đặt các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ tại các khu vực công cộng (*khu vui chơi giải trí, bệnh viện, bến xe...*), khu vực du lịch, khu tập trung đông dân cư. Xây dựng cột ăng ten trạm thu, phát sóng thông tin di động.

- Công nghệ thông tin: Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

- Phát thanh - Truyền hình: Tăng thời lượng phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và tăng thời lượng chương trình tự sản xuất. Quy hoạch cột ăng ten trạm thu, phát sóng phát thanh truyền hình. Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình hiện tại.

### **5.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang**

#### *a) Thoát nước thải*

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải đến năm 2030 khoảng 17.708 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó: Xử lý nước thải đô thị khoảng 7.940 m<sup>3</sup>/ngày đêm; xử lý nước thải nông thôn khoảng 8.976 m<sup>3</sup>/ngày đêm; xử lý nước thải công nghiệp khoảng

792 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Định hướng đến năm 2050 tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng 55.826 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống nước thải hỗn hợp bao gồm mạng cống thoát nước nửa riêng và riêng.

- Các cụm công nghiệp tập trung tại các huyện có xây dựng hệ thống thoát nước thải và trạm làm sạch riêng.

- Các trung tâm xã, cụm dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống cống chung xả ra các sông, hồ và tiếp tục làm sạch tự nhiên.

- Các khu dân cư sống phân tán, rải rác kiểu nhà vườn, vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước, 2 ngăn hợp vệ sinh, xây bể tự hoại.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải cho tất cả các đô thị, khu vực phát triển đô thị và cụm công nghiệp trong vùng, công suất từ 700 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến năm 2030 và từ 700 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trong giai đoạn đến năm 2050.

#### *b) Quản lý chất thải rắn*

- Tổng nhu cầu xử lý CTR đến năm 2030 khoảng 217,8 tấn/ngày đêm, trong đó: Xử lý CTR đô thị khoảng 62,3 tấn/ngày đêm, xử lý CTR công nghiệp: 14,2 tấn/ngày đêm, xử lý CTR nông thôn: 141,3 tấn/ngày đêm.

- Tại khu vực đô thị, CTR được thu gom tập trung và vận chuyển tới khu xử lý CTR để xử lý.

- Những vùng nông thôn dân cư phân tán nhỏ lẻ mà hệ thống thu gom chung khó có điều kiện tiếp cận sử dụng mô hình chôn lấp tại chỗ kết hợp ủ phân.

- CTR tại các cụm công nghiệp tập trung thực hiện quy chế kiểm toán chất thải rắn và tự thu gom trong khuôn viên nhà máy. Lượng CTR sau tái chế và tái sử dụng thu gom và vận chuyển tới bãi xử lý chất thải tập trung theo địa bàn huyện.

- Nâng cấp khu xử lý chất thải rắn Sông Mã tại bản Cò Kiếng, xã Huổi Một, khu xử lý CTR Chiềng Khương (Sông Mã), khu xử lý CTR Phiêng Khoài (Yên Châu).

- Quy hoạch mới khu xử lý chất thải rắn bản Nà Dìa, xã Sốp Cộp, khu xử lý CTR xã Mường Lầm (Sông Mã).

#### *c) Nghĩa trang nhân dân*

- Nâng cấp các nghĩa trang hiện hữu, đề xuất đóng cửa, dừng khai thác các điểm nghĩa trang, nghĩa địa không đảm bảo khoảng cách VSMT, cụ thể:

- + Nghĩa trang Sốp Cộp đã quy hoạch tại bản Ban, xã Sốp Cộp, quy mô khoảng 2,98 ha đáp ứng đủ nhu cầu mai táng đến 2050.

+ Nghĩa trang thị trấn Sông Mã đã quy hoạch mới tại bản Nà Nghịu, xã Nà Nghịu, quy mô khoảng 7,5 ha đáp ứng đủ nhu cầu mai táng của thị trấn và các xã giáp ranh đến 2050.

+ Nghĩa trang đô thị Chiềng Khương, Sông Mã đã quy hoạch tại bản Quyết Thắng, xã Chiềng Khương, quy mô khoảng 3,5 ha đáp ứng đủ nhu cầu mai táng đến 2050.

+ Nghĩa trang đô thị Mường Lầm, huyện Sông Mã định hướng quy hoạch tại bản Pá Có, xã Mường Lầm, quy mô khoảng 5,4 ha đáp ứng đủ nhu cầu phát triển lâu dài sau năm 2050.

+ Nghĩa trang đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu quy hoạch mới tại bản Cồn Huốt, xã Phiêng Khoài, quy mô khoảng 3,5 ha đáp ứng đủ nhu cầu mai táng đến 2050.

+ Nghĩa trang đô thị Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu quy hoạch mới tại Tiểu khu 6, xã Chiềng Sơn, quy mô khoảng 5,4 ha đáp ứng đủ nhu cầu mai táng đến 2050.

+ Nghĩa trang đô thị Lóng Sập, huyện Mộc Châu quy hoạch mới tại bản Bó Sập, xã Lóng Sập, quy mô khoảng 2,9 ha đáp ứng đủ nhu cầu mai táng đến 2050.

- Xây dựng các nhà tang lễ tại đô thị đảm bảo theo quy định.

## **6. Đánh giá môi trường chiến lược**

- Xây dựng các điểm quan trắc tiếng ồn, không khí, nước mặt, nước ngầm, môi trường đất tại các cụm công nghiệp, khu đô thị theo đồ án.

- Tất cả các nhà máy, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp đều phải có vành đai cây xanh; đồng thời phải tiến hành lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng lao động địa phương, hạn chế các tác động tới môi trường xã hội. Chú trọng công tác quản lý, kiểm tra bảo vệ môi trường.

## **7. Chương trình đầu tư**

- Khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La đến năm 2050 khoảng 34.498,63 tỷ đồng, trong đó:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2030): Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 14.232,15 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2 (từ năm 2031-2050): Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 20.266,48 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách nhà nước (chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ các vùng sản xuất, dân cư nông thôn, đô thị, an ninh quốc phòng...) và nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Xây dựng:**

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch được duyệt để chuyển giao cho các cơ

quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện; Hoàn thiện Quy định quản lý quy hoạch theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định;

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổ chức quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch theo quy định.

2. UBND các huyện Sốp Cộp, Sông Mã, Mai Sơn, Yên Châu, Mộc Châu, Vân Hồ: Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban ngành của tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VP, TH, KGVX, KT(Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Minh**